

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ – ST

Ngày 18/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương –Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 10/01/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 20/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 03/4/2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Tống Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1985.

Địa chỉ : Thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tống Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Hoàng Văn X có tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/6/2008. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian, sinh được 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không tôn trọng, chia sẻ với nhau nên vợ chồng không còn vui vẻ, hạnh phúc. Do tôi và anh X không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 đứa con chung là cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn X trình bày:

Tôi và bà Tống Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận và hạnh phúc, sau đó chúng tôi có với nhau 02 người con chung là cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/07/2008 và cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 và có tạo lập được một khối tài sản chung. Hôn nhân vợ chồng chúng tôi đang ấm êm hạnh phúc, thì gần đây vợ chồng có trao đổi qua lại với nhau nhưng không đi đến thống nhất quan điểm do vợ tôi chưa thấu hiểu và thông cảm cho tôi, khi tôi phải đi làm ăn xa tại thành phố B, tỉnh Đ trong vài năm để kiếm tiền gửi về cho bà T và các con trang trải cuộc sống gia đình, tuy không ở nhà thường xuyên nhưng thi thoảng tôi vẫn tranh thủ những ngày nghỉ phép để về nhà thăm gia đình và vợ con. Đi làm được một thời gian thì năm 2020 tôi có quay trở về hẳn nhà tại thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để cùng vợ là bà T làm rẫy và sản xuất nông nghiệp tạo thu nhập ổn định, vun vén cho gia đình. Tưởng chừng được bà T thông cảm cho nỗi vất vả, cực nhọc của tôi khi đi làm ăn xa, nhưng bà T lại vu khống cho tôi đi làm ăn rồi rượu chè, cờ bạc, trong khi tôi không hề chơi cờ bạc và có hành xử như bà T đã nói, tôi vẫn thường xuyên gửi tiền về cho gia đình, vẫn luôn hỏi han vợ con khi ở xa quê, luôn quan tâm chăm sóc gia đình khi có cơ hội trở về thăm nhà, chẳng những thế bà còn cư xử lạnh nhạt với tôi, nhưng vì thương gia đình, thương các con nên tôi vẫn luôn cố gắng hòa thuận.

Đến năm 2021 tôi quay lại tỉnh Đ để tiếp tục làm ăn kinh tế thì bà T ở nhà lại cho rằng tôi bỏ bê gia đình, mặc dù tôi vẫn gửi tiền về cho gia đình và vẫn có bàn bạc tâm sự với bà T, quan tâm vợ và hai con, đưa ra nguyện vọng nỗi lòng của mình để bà T thông cảm cho tôi nhưng sau đó bà T vẫn kiên quyết đòi ly hôn với tôi, mặc dù tôi có khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và đưa ra ý kiến không đồng ý ly hôn với bà T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Tống Thị T và anh Hoàng Văn X mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị Tống Thị T và anh Hoàng Văn X đã

sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị T.

+Đối với con chung: Vợ chồng chị T, anh X có 02 con chung là cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008, quá trình giải quyết vụ án chị Tổng Thị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung do hiện nay các cháu đang cùng sống với mẹ và đang được chị T trực tiếp chăm sóc. Xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Hoàng Quốc H1 và Hoàng Quốc H cho chị Tổng Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tổng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Quốc H1 và cháu Hoàng Quốc H cho chị Tổng Thị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Hoàng Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn chị Tổng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Tổng Thị T và anh Hoàng Văn X có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/6/2008, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do

quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; Bị đơn anh Hoàng Văn X xác định vẫn còn tình cảm với vợ, muốn được đoàn tụ để cùng chăm sóc nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tổng Thị T và anh Hoàng Văn X đã đến mức trầm trọng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, trước đây chị Tổng Thị T cũng đã từng khởi kiện xin ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân năm 2020 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị T xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tổng Thị T và anh Hoàng Văn X không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tổng Thị T, cho chị Tổng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh X có 02 con chung là cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008 và cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010. Hiện nay các đang sống cùng mẹ, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, mặc dù cháu Hoàng Quốc H có nguyện vọng ở với bố, tuy nhiên anh Hoàng Văn X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không thể xác định được nguyện vọng của anh X đối với con chung. Xét thấy việc giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển của các con, nguyện vọng của chị T là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008 và cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 cho chị Tổng Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Hoàng Văn X được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh X không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Do chị Tổng Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[5]. Xét thấy ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Tổng Thị T.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tổng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

-Về con chung: Chị Tổng Thị T và anh Hoàng Văn X có 02 con chung là cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008 và cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010

Giao cháu Hoàng Quốc H1, sinh ngày 31/7/2008 và cháu Hoàng Quốc H, sinh ngày 06/10/2010 cho chị Tổng Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Hoàng Văn X được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh X không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Tổng Thị T được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H.K;
- Chi cục THADS H.K;
- UBND xã V, H.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông